TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** Tỉnh Bến Tre	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **85**/2019/DS-ST
Ngày: 25-3-2019
V/v tranh chấp "*Hợp đồng Mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2018/TLST-DS ngày 05/12/2018 về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 384/2019/QĐ-CA ngày 06/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-DS ngày 07/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Phước A, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp AH, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. Bị đơn: Đặng Văn N, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số 132/2, ấp TT, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/9/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Phước A trình bày:

Vào năm 2015 ông Đặng Văn N có mua thức ăn, thuốc để nuôi tôm của Đại lý Tám Thông do ông Lê Phước A làm chủ và còn nợ lại số tiền 117.251.000 (Một trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn) đồng. Sau nhiều lần nhắc nhở trả nợ nhưng ông N cứ hẹn mà không trả.

Tại phiên tòa ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Đặng Văn N (không yêu cầu vợ ông N có nghĩa vụ liên đới với ông N) có nghĩa vụ trả số tiền 117.251.000 (Một trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn) đồng, trả một lần không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Văn N trình bày:

Ông thừa nhận còn nợ tiền thức ăn nuôi tôm tại Đại lý Tám Thông do ông Lê Phước A làm chủ với số tiền 117.251.000 (Một trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn) đồng và đến nay chưa trả cho ông A.

Tại phiên tòa ông đồng ý trả cho ông Lê Phước A số tiền 117.251.000 (Một trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn) nhưng xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng, trả đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Lê Phước A tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Đặng Văn N theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn Lê Phước A với bị đơn ông Đặng Văn N được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Đặng Văn N đã thừa nhận còn nợ của ông Lê Phước A số tiền 117.251.000 (Một trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn) đồng và xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng, trả cho đến khi hết hạn.

Xét thấy việc ông N nợ ông A số tiền 117.251.000 (Một trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn) đồng nhưng chưa thanh toán cho ông A đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông A. Căn cứ quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A buộc ông Đặng Văn N phải có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền 117.251.000 (Một trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn) đồng, ông A không yêu tính lãi nên không xem xét.

Xét trong quá trình tố tụng ông Lê Phước A cho rằng: tiền mua bán là tiền cá nhân của ông A, chỉ một mình ông N nợ với ông A nên yêu cầu cá nhân ông N phải trả, xét thấy đây là sự tự nguyện nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Phước A được Tòa án chấp nhận nên ông Đặng Văn N phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí ông N phải nộp (117.251.000 đồng x 5%) là: 5.862.550 (Năm triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm năm mươi) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước A. Buộc ông Đặng Văn N phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Phước A số tiền 117.251.000 (Một trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Văn N có nghĩa vụ nộp: 5.862.550 (Năm triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm năm mươi) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Phước A được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.931.275 (Hai triệu, chín trăm ba mươi mốt nghìn, hai trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai thu số 0021477, ngày 04 tháng 12 năm 2018.

Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên ándể yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).